|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
|  |  |

*Bắc Giang, ngày tháng năm 2020*

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN LUẬT VÀ CHÍNH SÁCH ĐẤT ĐAI**

**1. Thông tin chung về học phần**

- Mã học phần: QLD2036

- Số tín chỉ: 04

- Loại học phần: Bắt buộc

- Các học phần tiên quyết: Pháp luật đại cương

- Các học phần song hành: Không

- Các yêu cầu với học phần:

+ Sĩ số tối đa lớp học: 60 sinh viên

+ Thiết bị dạy học: Máy chiếu, phông chiếu, laptop, bảng, phấn.

- Bộ môn (Khoa) phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý Đất đai - Khoa Tài nguyên và Môi trường.

- Số tiết quy định với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 45 tiết + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết

\* Thảo luận: 0 tiết + Tự học: 150 giờ

\* Làm bài tập:0 tiết + Tự học có hướng dẫn: 0 giờ

+ Thực hành, thí nghiệm: 30 tiết \* Bài tập lớn (tiểu luận): 0 giờ

**2. Thông tin chung về các giảng viên**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ tên** | **Số điện thoại** | **Email** | **Ghi chú** |
| 1 | TS.Nguyễn Văn Bài | 0915538066 | bainv@bafu.edu.vn |  |
| 2 | ThS.Phạm Quốc Thăng | 0865472534 | thangpq@bafu.edu.vn |  |
| 3 | ThS.Lê Thị Hương Thúy | 0977245100 | thuylh@bafu.edu.vn |  |

**3. Mục tiêu của học phần**

- Yêu cầu về kiến thức: Học phần giới thiệu các kiến thức chung về chính sách đất đai của Việt Nam qua các thời kỳ, các cơ quan quản lý đất đai và các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai, chế độ sử dụng các loại đất, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất.

- Yêu cầu về kỹ năng: Sinh viên sau khi học xong học phần thực hiện được các kỹ năng sau:

+ Thảo luận những hoạt động trong phân phối đất đai của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền

+ Nhận định một số thực trạng trong việc thực hiện chế độ quản lý, sử dụng các loại đất

+ Thảo luận các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất trong các tình huống cụ thể

+ Giải quyết được một số vấn đề trong việc quản lý và sử dụng đất đai thường gặp ở cơ sở

+ Tận tụy với công việc, văn minh và lịch sự trong giao tiếp và ứng xử; có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.

- Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp:

+ Có năng lực tự học, tự nghiên cứu để nâng hiểu biết của bản thân về luật và chính sách đất đai phục vụ cho ngành quản lý đất đai.

+ Sinh viên cần có thái độ tích cực nghe giảng trên lớp, chăm chỉ trong việc chuẩn bị bài ở nhà, chủ động trong giải quyết công việc, hỗ trợ và hợp tác làm việc theo nhóm có hiệu quả.

*Ghi chú: Mục tiêu của học phần được thể hiện tại Phụ lục 2.*

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (LO – Learning Outcomes)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã CĐR** | **Mô tả CĐR học phần** |
| ***1*** | ***Chuẩn về kiến thức*** |
| LO.1.1 | Hiểu được khái niệm và các yếu tố cấu thành pháp luật đất đai, chính sách đất đai ở Việt Nam qua các thời kỳ, bộ máy và các nội dung quản lý nhà nước về đất đai. |
| LO.1.2 | Hiểu được chế độ sử dụng các loại đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng. |
| LO.1.3 | Hiểu được quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất |
| ***2*** | ***Chuẩn về kỹ năng*** |
| LO.2.1 | Thảo luận những hoạt động trong phân phối đất đai của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền |
| LO.2.2 | Nhận định một số thực trạng trong việc thực hiện chế độ quản lý, sử dụng các loại đất  |
| LO.2.3 | Thảo luận các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất trong các tình huống cụ thể. Giải quyết được một số vấn đề trong việc quản lý và sử dụng đất đai thường gặp ở cơ sở. Tận tụy với công việc, văn minh và lịch sự trong giao tiếp và ứng xử; có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm. |
| ***3*** | ***Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp*** |
| LO.3.1 | Nhận thức được vị trí, tầm quan trọng và mức độ tác động của luật và chính sách đất đai trong việc quản lý và sử dụng đất, góp phần vào quá trình phát triển KT-XH. |
| LO.3.2 | Có phẩm chất chính trị, ý thức tổ chức kỷ luật; có thái độ lao động nghiêm túc và đạo đức nghề nghiệp. |

*Ghi chú: Mã hóa chuẩn đầu ra học phần, đánh giá mức độ tương thích của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra CTĐT được thể hiện tại Phụ lục 1.*

**5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Luật và chính sách đất đai là học phần 4 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về pháp luật đất đai, các nội dung quản lý nhà nước về pháp luật đất đai; chế độ sử dụng các loại đất, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất; thủ tục hành chính về quản lý và sử dụng đất.

**6. Mức độ đóng góp của các bài giảng để đạt được chuẩn đầu ra của học phần**

 Mức độ đóng góp của mỗi bài giảng được mã hóa theo 3 mức, trong đó:

+ Mức 1: Thấp (**Nhớ:** Bao gồm việc người học có thể nhớ lại các điều đặc biệt hoặc tổng quát, trọn vẹn hoặc một phần các quá trình, các dạng thức, cấu trúc… đã được học. Ở cấp độ này người học cần nhớ lại đúng điều được hỏi đến.)

 + Mức 2: Trung bình (**Hiểu**: Ở cấp độ nhận thức này, người học cần nắm được ý nghĩa của thông tin, thể hiện qua khả năng diễn giải, suy diễn, liên hệ)

 + Mức 3: Cao (**Vận dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo:** Người học có khả năng chia các nội dung, các thông tin thành những phần nhỏ để có thể chỉ ra các yếu tố, các mối liên hệ, các nguyên tắc cấu trúc của chúng.

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài giảng** | **Chuẩn đầu ra của học phần** |
| LO.1.1 | LO.1.2 | LO.1.3 | LO.2.1 | LO.2.2 | LO.2.3. | LO.3.1 | LO.3.2 |
| Chương 1 | 2 |  |  | 2 | 2 |  |  | 2 |
| Chương 2 | 2 |  |  | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |
| Chương 3 |  | 2 |  |  | 2 | 2 | 3 | 3 |
| Chương 4 |  |  | 2 |  |  | 2 | 3 | 3 |

**7. Danh mục tài liệu**

***- Tài liệu học tập chính:***

[1] Trần Quang Huy, *Giáo trình Luật đất đai*, NXB Công an nhân dân, 2019.

***- Tài liệu tham khảo:***

[2] *Luật đất đai*, NXB Tài nguyên - Môi trường, 2013

[3] *Nghị định hướng dẫn thi hành Luật đất đai*

[4] Kim Phượng; *Hướng dẫn thi hành Luật đất đai, Luật nhà ở, Luật kinh doanh bất động sản: 420 Tình huống giải đáp xử lý những vướng mắc trong công tác đất đai, xây dựng và nhà ở*; NXB Nông nghiệp, 2014

[5] *Công khai thông tin đất đai ở Việt Nam: Báo cáo tổng hợp*, NXB Hồng Đức, 2014

**8. Nhiệm vụ của người học**

**8.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận**

 - Dự lớp ≥ 80% tổng số thời lượng của học phần.

 - Tích cực, chủ động tham gia thảo luận nhóm.

 - Hoàn thành các câu hỏi, bài tập về nhà được giao trong bài giảng.

 - Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

*(Nhiệm vụ của người học được thể hiện tại Phụ lục 3)*

**8.2. Phần thí nghiệm, thực hành**

 - Dự lớp ≥ 80% tổng số thời lượng của học phần.

 - Tích cực, chủ động tham gia thảo luận nhóm.

 - Thuyết trình vấn đề được giáo viên giao

*(Nhiệm vụ của người học được thể hiện tại Phụ lục 3)*

**9. Phương pháp giảng dạy**

 - Phương pháp giảng dạy lý thuyết: Sử dụng phương pháp thuyết trình, phát vấn làm việc nhóm, tự học...

 - Phương pháp giảng dạy thực hành/thảo luận: Sử dụng Phương pháp giảng dạy thực hành 4 bước, phương pháp làm việc nhóm, thuyết trình, phân tích, tự học,…

*(Phương pháp giảng dạy thể hiện tại Phụ lục 3)*

**10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập**

***10.1. Các phương pháp kiểm tra đánh giá giúp đạt được và thể hiện, đánh giá được các kết quả học tập của học phần***

 + Phương pháp kiểm tra: Viết, thực hành

 + Hình thức kiểm tra: Tự luận, thực hành

 *(Phương pháp kiểm tra đánh giá được thể hiện tại Phụ lục 4)*

***10.2. Thang điểm, tiêu chí đánh giá và mô tả mức đạt được điểm số***

 + Trọng số đánh giá kết quả học tập

**Bảng 1: Trọng số đánh giá kết quả học tập**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Điểm thành phần** | **Điểm kiểm tra quá trình** | **Điểm thi** |
| Chuyên cần | Bài kiểm tra thường xuyên(4 bài) | Bài thi giữa học phần | Bài thi kết thúc học phần |
| **Trọng số** | 10% | 20% | 20% | 50% |

**Bảng 2. Kế hoạch đánh giá kết quả học tập**

***Bảng 2.1. Đánh giá chuyên cần***

| **Hình thức** | **Tiêu chí đánh giá** | **Điểm tối đa** |
| --- | --- | --- |
| Điểm danh vàthái độ học tập | Thái độ tham dự (2%)Trong đó:- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)- Có chú ý, ít tham gia (1%)- Không chú ý, không tham gia (0%) | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)- Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần thì không đánh giá. | 8 |

***Bảng 2.2. Đánh giá bài kiểm tra thường xuyên số 1,2,3,4 và bài thi giữa học phần***

| **Tiêu chí** | **Hình thức** | **Giỏi – Xuất sắc****(8,5-10)** | **Khá****(7,0-8,4)** | **Trung bình****(5,5-6,9)** | **Trung bình yếu****(4,0-5,4)** | **Kém****<4,0** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra số 1** |
| Nội dung chương 1 | Tự luận | Hiểu 85%-100% kiến thức của chương1Vận dụng kiến thức trả lời câu hỏi. | Hiểu 70%- 84% kiến thức của chương 1Có khả năng vận dụng 80% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu 55%- 69% kiến thức của chương 1Có khả năng vận dụng 50% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu 40% - 50% kiến thức của chương 1Có khả năng vận dụng 30% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu <40%kiến thức của chương 1Chưa có khả năng vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi |
| **Bài kiểm tra số 2** |
| Nội dung chương 2 | Tự luận | Hiểu 85%-100% kiến thức của chương2Vận dụng kiến thức trả lời câu hỏi. | Hiểu 70%- 84% kiến thức của chương 2Có khả năng vận dụng 80% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu 55%- 69% kiến thức của chương 2Có khả năng vận dụng 50% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu 40% - 50% kiến thức của chương 2Có khả năng vận dụng 30% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu <40%kiến thức của chương 2Chưa có khả năng vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi |
| **Bài thi giữa học phần** |
| Nội dung chương 1,2,3 | Tự luận | Hiểu 85%-100% kiến thức của chương 1,2,3Vận dụng kiến thức trả lời câu hỏi. | Hiểu 70%- 84% kiến thức của chương 1,2,3Có khả năng vận dụng 80% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu 55%- 69% kiến thức của chương 1,2,3 Có khả năng vận dụng 50% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu 40% - 50% kiến thức của chương 1,2,3Có khả năng vận dụng 30% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu <40%kiến thức của chương 1,2,3Chưa có khả năng vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi |
| **Bài kiểm tra số 3** |
| Nội dung chương 4 | Tự luận | Hiểu 85%-100% kiến thức của chương4Vận dụng kiến thức trả lời câu hỏi. | Hiểu 70%- 84% kiến thức của chương 4Có khả năng vận dụng 80% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu 55%- 69% kiến thức của chương 4Có khả năng vận dụng 50% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu 40% - 50% kiến thức của chương 4Có khả năng vận dụng 30% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu <40%kiến thức của chương 4Chưa có khả năng vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi |
| **Bài kiểm tra số 4** |
| Nội dung chương 2,3,4 | Thuyết trình nhóm | Vận dụng kiến thức chương 2,3,4 giải quyết >85% yêu cầu bài thảo luận | Vận dụng kiến thức chương 2,3,4 giải quyết 70%- 84% yêu cầu bài thảo luận | Vận dụng kiến thức chương 2,3,4 giải quyết 55%- 69% yêu cầu bài thảo luận | Vận dụng kiến thức chương 2,3,4 kiến thức giải quyết 40% - 50% yêu cầu bài thảo luận | Vận dụng kiến thức chương 2,3,4 giải quyết <40% yêu cầu bài thảo luận |

***Bảng 2.3. Đánh giá bài thi kết thúc học phần***

| **Tiêu chí** | **Hình thức** | **Giỏi – Xuất sắc****(8,5-10)** | **Khá****(7,0-8,4)** | **Trung bình****(5,5-6,9)** | **Trung bình yếu****(4,0-5,4)** | **Kém****<4,0** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung chương 1,2,3,4 | Vấn đáp | Hiểu >85% kiến thức của chương 1,2,3,4Vận dụng kiến thức trả lời câu hỏi. | Hiểu 70%- 84% kiến thức của chương 1,2,3,4Có khả năng vận dụng 80% kiến thức của môn để trả lời câu hỏi. | Hiểu 55%- 69% kiến thức của chương 1,2,3,4Có khả năng vận dụng 50% kiến thức của môn để trả lời câu hỏi. | Hiểu 40% - 50% kiến thức của chương 1,2,3,4Có khả năng vận dụng 30% kiến thức của môn để trả lời câu hỏi. | Hiểu <40%kiến thức của chương 1,2,3,4Chưa có khả năng vận dụng kiến thức của môn để trả lời câu hỏi |

**11. Nội dung chi tiết học phần**

***11.1. Nội dung về lý thuyết và thảo luận (Tổng số tiết: 45 tiết)***

**Chương 1: Tổng quan về luật và chính sách đất đất đai ở Việt Nam**

(Tổng số tiết: 11; Số tiết lý thuyết: 11; Số tiết bài tập, thảo luận: 0)

|  |  |
| --- | --- |
| 1.1 |  Vai trò của đất và khái niệm pháp luật đất đai |
| 1.1.1 | Vai trò của đất đai đối với con người |
| 1.1.2 | Các đạo luật đất đai của Việt Nam |
| 1.1.3 | Khái niệm pháp luật đất đai |
| 1.1.4 | Phương pháp điều chỉnh của Pháp luật đất đai |
| 1.2 | Lịch sử hình thành và phát triển ngành quản lý đất đai ở Việt Nam |
| 1.2.1 | Vài nét về quản lý đất đai dưới các triều đại phong kiến Việt Nam và trong thời kỳ Pháp thuộc |
| 1.2.2 | Quản lý đất đai sau cách mạng tháng 8 năm 1945 |
| 1.3 | Quan hệ đất đai ở nước ta qua các thời kỳ |
| 1.3.1 | Quan hệ đất đai thời phong kiến |
| 1.3.2 | Chế định sở hữu đất đai của Nhà nước từ 1945 đến nay |
| 1.4 | Các nguyên tắc cơ bản để xây dựng pháp luật đất đai |
| 1.4.1 | Đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước đại diện chủ sở hữu |
| 1.4.2 | Nhà nước thống nhất quản lý toàn bộ đất đai theo quy hoạch và pháp luật |
| 1.4.3 | Sử dụng đất đai hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả |
| 1.4.4 | Ưu tiên bảo vệ quỹ đất nông nghiệp |
| 1.4.5 | Thường xuyên cải tạo và bồi bổ đất đai |
| 1.4.6 | Bảo vệ môi trường |
| 1.5 | Quan hệ pháp luật đất đai |
| 1.5.1 | Khái niệm  |
| 1.5.2 | Các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật đất đai |
| 1.6 | Cơ sở để xác lập, chấm dứt quan hệ PLĐĐ |
| 1.7 | Một số quy định chung đối với chủ sở hữu đất đai |
| 1.8 | Những vấn đề mới của Luật đất đai 2013 |
| 1.8.1 | Khái quát chung |
| 1.8.2 | Những thay đổi trong Luật đất đai 2013 |
| **Bài kiểm tra số 1: 01 tiết** |

**Chương 2: Quản lý Nhà nước về đất đai**

(Tổng số tiết: 16; Số tiết lý thuyết: 16; Số tiết bài tập, thảo luận: 0)

|  |  |
| --- | --- |
| 2.1 | Một số quy định chung |
| 2.1.1 | Khái niệm quản lý Nhà nước về đất đai |
| 2.1.2 | Các cơ quan quản lý đất đai |
| 2.2 | Các hoạt động của Nhà nước trong việc quản lý đất đai |
| 2.2.1 | Địa giới hành chính  |
| 2.2.2 |  Điều tra cơ bản về đất đai |
| 2.2.3 |  Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất |
| 2.2.4 | Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất |
| 2.2.5 | Thu hồi đất, trưng dụng đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư |
| 2.2.6 | Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất |
| 2.2.7 |  Tài chính về đất đai, giá đất và đấu giá quyền sử dụng đất |
| 2.2.8 | Thanh tra, kiểm tra đất đai |
| 2.2.9 | Hệ thống thông tin đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai |
| **Bài kiểm tra số 2: 01 tiết** |

**Chương 3: Chế độ sử dụng các loại đất**

(Tổng số tiết: 07; Số tiết lý thuyết: 07; Số tiết bài tập, thảo luận: 0)

|  |  |
| --- | --- |
| 3.1 |  Thời hạn sử dụng đất  |
| 3.1.1 | Đất sử dụng lâu dài |
| 3.1.2 |  Đất sử dụng có thời hạn |
| 3.1.3 | Thời hạn sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất |
| 3.1.4 | Thời hạn sử dụng đất khi nhận chuyển quyền sử dụng đất |
| 3.2 | Chế độ sử dụng đất nông nghiệp |
| 3.2.1 |  Hạn mức giao đất nông nghiệp  |
| 3.2.2 | Hạn mức nhận chuyển quyền S.D.Đ nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân |
| 3.2.3 |  Đất nông nghiệp do hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư sử dụng. |
| 3.2.4 |  Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích |
| 3.2.5 | Chế độ sử dụng các loại đất nông nghiệp khác |
| 3.3 | Chế độ sử dụng đất phi nông nghiệp |
| 3.3.1 | Chế độ sử dụng đất ở tại đô thị |
| 3.3.2 | Chế độ sử dụng đất ở tại nông thôn |
| 3.3.3 | Chế độ sử dụng các loại đất phi nông nghiệp khác |
| 3.4 | Chế độ quản lý đất chưa sử dụng |

**Bài thi giữa học phần: 01 tiết**

**Chương 4: Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất**

(Tổng số tiết: 07; Số tiết lý thuyết: 07; Số tiết bài tập, thảo luận: 0)

|  |  |
| --- | --- |
| 4.1 | Những quy định chung  |
| 4.1.1 | Quyền chung của người sử dụng đất  |
| 4.1.2 | Quyền chuyển đổi, chuyển nhượng,cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, thế chấp quyền sử dụng đất, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; quyền được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất  |
| 4.1.3 | Thời điểm được thực hiện các quyền của người sử dụng đất |
| 4.1.4 | Nhận quyền sử dụng đất |
| 4.1.5 | Nghĩa vụ chung của người sử dụng đất |
| 4.1.6 | Quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất liền kề |
| 4.2 | Quyền và nghĩa vụ của tổ chức sử dụng đất  |
| 4.3 | Quyền và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư sử dụng đất  |
| 4.4 | Quyền và nghĩa vụ của người Việt nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng đất  |
| 4.5 |  Điều kiện để thực hiện các quyền của người sử dụng đất. |

**Bài kiểm tra số 3: 1 tiết**

***11.2. Nội dung về thực hành, thảo luận (Tổng số tiết: 30 tiết)***

**Bài 1. Phân tích và đánh giá những hoạt động trong phân phối đất đai của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, phân tích và đánh giá một số thực trạng trong việc thực hiện chế độ quản lý, sử dụng các loại đất** **(Tổng số tiết: 10 tiết)**

***1. Mục tiêu:***

Giúp người học phân tích và đánh giá những hoạt động trong phân phối đất đai của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, phân tích và đánh giá một số thực trạng trong việc thực hiện chế độ quản lý, sử dụng các loại đất, từ đó giúp sinh viên nắm vững luật và các chính sách đất đai có liên quan.

***2. Nội dung:***

- Bộ máy quản lý đất đai từ trung ương đến địa phương

- Các hoạt động của Nhà nước trong quản lý đất đai

- Các hoạt động của Nhà nước trong phân phối đất đai

- Chế độ quản lý đất nông nghiệp

- Chế độ quản lý đất phi nông nghiệp

***3. Địa điểm:*** Giảng đường

***4. Dụng cụ trang thiết bị:*** phấn, bảng, máy tính cá nhân, máy tính xách tay, máy chiếu.

***5. Tổ chức thực hiện:***

- Chia sinh viên thành các nhóm: từ 5-10 sinh viên/nhóm.

- Giáo viên cung cấp các thông tin liên quan đến những hoạt động trong phân phối đất đai của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, chế độ quản lý, sử dụng các loại đất.

- Sinh viên tiến hành thảo luận, phân tích và đánh giá những hoạt động trong phân phối đất đai của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, phân tích và đánh giá một số thực trạng trong việc thực hiện chế độ quản lý, sử dụng các loại đất.

***6. Đánh giá, cho điểm:***

- Các nhóm sinh viên nghiêm túc thực hiện các yêu cầu của bài tập.

 - Sản phẩm giao nộp là kết quả bản thuyết minh.

- Chấm điểm theo từng nhóm dựa trên bản thuyết minh.

**Bài 2. Phân tích và đánh giá các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, giải quyết tổng hợp một số vấn đề trong quan hệ đất đai thường gặp ở cơ sở**

**(Tổng số tiết: 20)**

***1. Mục tiêu:***

Giúp người học phân tích và đánh giá các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất trong các tình huống cụ thể, từ đó giúp sinh viên nắm vững luật và các chính sách đất đai có liên quan.

***2. Nội dung:***

- Quyền chung của người sử dụng đất

- Quyền của tổ chức sử dụng đất

- Quyền của hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất

- Nghĩa vụ chung của người sử dụng đất

- Nghĩa vụ của tổ chức sử dụng đất

-Nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất

***3. Địa điểm:*** Giảng đường

***4. Dụng cụ trang thiết bị:*** phấn, bảng, máy tính cá nhân, máy tính xách tay, máy chiếu.

***5. Tổ chức thực hiện:***

- Chia sinh viên thành các nhóm: từ 5-10 sinh viên/nhóm.

- Giáo viên cung cấp các thông tin liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất.

- Sinh viên tiến hành thảo luận, học phân tích và đánh giá các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất trong các tình huống cụ thể.

***6. Đánh giá, cho điểm:***

- Các nhóm sinh viên nghiêm túc thực hiện các yêu cầu của bài tập.

 - Sản phẩm giao nộp là kết quả bản thuyết minh.

- Chấm điểm theo từng nhóm dựa trên bản thuyết trình.

***11.3. Nội dung về bài tập lớn, tiểu luận:*** Không

**12. Thời gian phê duyệt đề cương học phần:** Ngày …. tháng …. năm 2020

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **GIẢNG VIÊN PHỤ TRÁCH****HỌC PHẦN****Ths. Phạm Quốc Thăng** | **TRƯỞNG BỘ MÔN****TS. Khương Mạnh Hà** | **TRƯỞNG KHOA****TS. Nguyễn Văn Bài** |  |  |  |

**PHỤ LỤC 1**

**MÃ HÓA CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN, ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ TƯƠNG THÍCH CỦA CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CTĐT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã CĐR** | **Chuẩn đầu ra học phần** | **Mức độ theo thang** | **Đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT** |
| ***1*** | ***Chuẩn về kiến thức*** |  |  |
| LO.1.1 | Hiểu được khái niệm và các yếu tố cấu thành pháp luật đất đai, chính sách đất đai ở Việt Nam qua các thời kỳ, bộ máy và các nội dung quản lý nhà nước về đất đai. | 2 | CĐR 7 |
| LO.1.2 | Hiểu được chế độ sử dụng các loại đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng. | 2 | CĐR 7 |
| LO.1.3 | Hiểu được quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất | 2 | CĐR 7 |
| ***2*** | ***Chuẩn về kỹ năng*** |  |  |
| LO.2.1 | Thảo luận những hoạt động trong phân phối đất đai của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền | 2 | CĐR 11 |
| LO.2.2 | Nhận định một số thực trạng trong việc thực hiện chế độ quản lý, sử dụng các loại đất  | 2 | CĐR 11CĐR 12 |
| LO.2.3 | Thảo luận các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất trong các tình huống cụ thể. Giải quyết được một số vấn đề trong việc quản lý và sử dụng đất đai thường gặp ở cơ sở. Tận tụy với công việc, văn minh và lịch sự trong giao tiếp và ứng xử; có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm. | 2 | CĐR 12CĐR 13 |
| 3 | CĐR 14 |
| ***3*** | ***Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp*** |  |  |
| LO.3.1 | Nhận thức được vị trí, tầm quan trọng và mức độ tác động của luật và chính sách đất đai trong việc quản lý và sử dụng đất, góp phần vào quá trình phát triển KT-XH. | 3 | CĐR 15 |
| LO.3.2 | Có phẩm chất chính trị, ý thức tổ chức kỷ luật; có thái độ lao động nghiêm túc và đạo đức nghề nghiệp. | 3 | CĐR 16 |

**PHỤ LỤC 2**

**MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN**

**1. Mục tiêu học phần**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **CĐR của CTĐT** |
| G1 | Học phần giới thiệu các kiến thức chung về chính sách đất đai của Việt Nam qua các thời kỳ, các cơ quan quản lý đất đai và các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai, chế độ sử dụng các loại đất, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất. | CĐR 7 |
| G2 | Thảo luận những hoạt động trong phân phối đất đai của cơ quan Nhà nước có thẩm quyềnNhận định một số thực trạng trong việc thực hiện chế độ quản lý, sử dụng các loại đất  Thảo luận các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất trong các tình huống cụ thểGiải quyết được một số vấn đề trong việc quản lý và sử dụng đất đai thường gặp ở cơ sở. Tận tụy với công việc, văn minh và lịch sự trong giao tiếp và ứng xử; có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm. | CĐR 11CĐR 12CĐR 13CĐR 14 |
| G3 | Có năng lực tự học, tự nghiên cứu để nâng hiểu biết của bản thân về luật và chính sách đất đai phục vụ cho ngành quản lý đất đai.Sinh viên cần có thái độ tích cực nghe giảng trên lớp, chăm chỉ trong việc chuẩn bị bài ở nhà, chủ động trong giải quyết công việc, hỗ trợ và hợp tác làm việc theo nhóm có hiệu quả.  | CĐR 15CĐR 16 |

**2. Chuẩn đầu ra học phần**

| **Mã CĐR** | **Mô tả CĐR học phần** | **Liên kết với CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| ***LO.1*** | ***Chuẩn về kiến thức*** |  |
| LO.1.1 | Hiểu được khái niệm và các yếu tố cấu thành pháp luật đất đai, chính sách đất đai ở Việt Nam qua các thời kỳ, bộ máy và các nội dung quản lý nhà nước về đất đai. | CĐR 7 |
| LO.1.2 | Hiểu được chế độ sử dụng các loại đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng. | CĐR 7 |
| LO.1.3 | Hiểu được quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất | CĐR 7 |
| ***LO.2*** | ***Chuẩn về kỹ năng*** |  |
| LO.2.1 | Thảo luận những hoạt động trong phân phối đất đai của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền | CĐR 11 |
| LO.2.2 | Nhận định một số thực trạng trong việc thực hiện chế độ quản lý, sử dụng các loại đất  | CĐR 11CĐR 12 |
| LO.2.3 | Thảo luận các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất trong các tình huống cụ thể. Giải quyết được một số vấn đề trong việc quản lý và sử dụng đất đai thường gặp ở cơ sở.Tận tụy với công việc, văn minh và lịch sự trong giao tiếp và ứng xử; có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm. | CĐR 12CĐR 13CĐR 14 |
| ***LO.3*** | ***Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp*** |  |
| LO.3.1 | Nhận thức được vị trí, tầm quan trọng và mức độ tác động của luật và chính sách đất đai trong việc quản lý và sử dụng đất, góp phần vào quá trình phát triển KT-XH. | CĐR 15 |
| LO.3.2 | Có phẩm chất chính trị, ý thức tổ chức kỷ luật; có thái độ lao động nghiêm túc và đạo đức nghề nghiệp. | CĐR 16 |

**PHỤ LỤC 3**

 **NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN**

| **Tuần thứ** | **Nội dung** | **Hoạt động dạy và học** | **Số tiết LT/TH** | **Tài liệu học tập, tham khảo** | **CĐR học phần** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1,2,3 | **Tổng quan về luật và chính sách đất đất đai ở Việt Nam**  | **Giảng viên:**- Giới thiệu học phần, đề cương chi tiết, tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, quy định thi, kiểm tra, đánh giá, hướng dẫn kế hoạch học tập; xây dựng các nhóm học tập.- Thuyết trình và giải thích nội dung của chương 1.- Phát vấn- Trả lời các câu hỏi của SV- Giao nhiệm vụ thảo luận.**Sinh viên:**- Nghiên cứu tài liệu.- Trả lời các câu hỏi phát vấn.- Làm bài tập mà giảng viên giao.- Tham gia nhóm học tập | 11/0 | 1,2,3 | LO.1.1LO.2.1LO.2.2LO.3.2 |
|  |  1.1.Vai trò của đất và khái niệm pháp luật đất đai1.2.Lịch sử hình thành và phát triển ngành quản lý đất đai ở Việt Nam1.3. Quan hệ đất đai ở nước ta qua các thời kỳ1.4. Các nguyên tắc cơ bản để xây dựng pháp luật đất đai1.5. Quan hệ pháp luật đất đai1.6. Cơ sở để xác lập, chấm dứt quan hệ PLĐĐ1.7. Một số quy định chung đối với chủ sở hữu đất đai1.8. Những vấn đề mới của Luật đất đai 2013 |  |
| 3 | **Bài kiểm tra số 1** | **Giảng viên**- Phát vấn **Sinh viên**Làm bài kiểm tra | 1/0 | 1,2,3 | LO.1.1LO.2.1LO.2.2LO.3.2 |
| 4,5,6,7 | **Chương 2. Quản lý Nhà nước về đất đai** | **Giảng viên**- Thuyết trình và giải thích nội dung của chương 2.- Phát vấn- Trả lời các câu hỏi của SV- Giao nhiệm vụ thảo luận.**Sinh viên:**- Nghiên cứu tài liệu.- Trả lời các câu hỏi phát vẫn.- Làm bài tập mà giảng viên giao.- Tham gia nhóm học tập | 16/0 | 1,2,3,4,5 | LO.1.1LO.2.1LO.2.2LO.2.3LO.3.1 LO.3.2 |
|  | 2.1. Một số quy định chung2.1.1. Khái niệm quản lý Nhà nước về đất đai2.1.2.Các cơ quan quản lý đất đai2.2.Các hoạt động của Nhà nước trong việc quản lý đất đai2.2.1.Địa giới hành chính2.2.2.Điều tra cơ bản về đất đai2.2.3.Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất2.2.4.Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất2.2.5.Thu hồi đất, trưng dụng đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư2.2.6.Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất2.2.7.Tài chính về đất đai, giá đất và đấu giá quyền sử dụng đất2.2.8.Thanh tra, kiểm tra đất đai2.2.9.Hệ thống thông tin đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai |  |
| 8 | **Bài kiểm tra số 2** | **Giảng viên**- Phát vấn **Sinh viên**Làm bài kiểm tra | 1/0 | 1,2,3,4,5 | LO.1.1LO.2.1LO.2.2LO.2.3LO.3.1LO.3.2 |
| 8,9,10 | **Chương 3.Chế độ sử dụng các loại đất** |  | 7/0 | 1,2,3,4,5 | LO.1.2LO.2.2LO.2.3LO.3.1 LO.3.2 |
|  | 3.1.Thời hạn sử dụng đất3.1.1.Đất sử dụng lâu dài3.1.2.Đất sử dụng có thời hạn3.1.3.Thời hạn sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất3.1.4.Thời hạn sử dụng đất khi nhận chuyển quyền sử dụng đất3.2.Chế độ sử dụng đất nông nghiệp3.2.1.Hạn mức giao đất nông nghiệp3.2.2.Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân3.2.3.Đất nông nghiệp do hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư sử dụng3.2.4.Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích3.2.5.Chế độ sử dụng các loại đất nông nghiệp khác3.3.Chế độ sử dụng đất phi nông nghiệp3.3.1.Chế độ sử dụng đất ở tại đô thị3.3.2.Chế độ sử dụng đất ở tại nông thôn3.3.3.Chế độ sử dụng các loại đất phi nông nghiệp khác3.4.Chế độ quản lý đất chưa sử dụng | **Giảng viên**- Thuyết trình và giải thích nội dung của chương 3.- Phát vấn- Trả lời các câu hỏi của SV- Giao nhiệm vụ thảo luận.**Sinh viên:**- Nghiên cứu tài liệu.- Trả lời các câu hỏi phát vẫn.- Làm bài tập mà giảng viên giao.- Tham gia nhóm học tập |  |
| 11 | **Bài thi giữa học phần** | **Giảng viên**- Phát vấn **Sinh viên**Làm bài thi giữa học phần | 1/0 | 1,2,3,4,5 | LO.1.1LO.1.2LO.2.1LO.2.2LO.2.3LO.3.1LO.3.2 |
| 11 | **Chương 4.Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất** | **Giảng viên**- Thuyết trình và giải thích nội dung của chương 4.- Phát vấn- Trả lời các câu hỏi của SV- Giao nhiệm vụ thảo luận.**Sinh viên:**- Nghiên cứu tài liệu.- Trả lời các câu hỏi phát vẫn.- Làm bài tập mà giảng viên giao.- Tham gia nhóm học tập | 7/3 | 1,2,3,4,5 | LO.1.3LO.2.3LO.3.1 LO.3.2 |
|  | 4.1.Những quy định chung4.1.1. Quyền chung của người sử dụng đất4.1.2. Quyền chuyển đổi, chuyển nhượng,cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, thế chấp quyền sử dụng đất, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; quyền được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất 4.1.3. Thời điểm được thực hiện các quyền của người sử dụng đất4.1.4.Nhận quyền sử dụng đất4.1.5.Nghĩa vụ chung của người sử dụng đất4.1.6.Quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất liền kề4.2. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức sử dụng đất4.3. Quyền và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư sử dụng đất 4.4. Quyền và nghĩa vụ của người Việt nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng đất4.5. Điều kiện để thực hiện các quyền của người sử dụng đất |  |
| 13 | **Bài kiểm tra số 3** | **Giảng viên**- Phát vấn **Sinh viên**Làm bài kiểm tra | 1/0 | 1,2,3,4,5 | LO.1.3LO.2.3LO.3.1 LO.3.2 |
| 14,15 | **Phần thực hành/thảo luận** |  | 0/30 |  |  |
| 14 | **Bài thảo luận số 1. Phân tích và đánh giá những hoạt động trong phân phối đất đai của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, phân tích và đánh giá một số thực trạng trong việc thực hiện chế độ quản lý, sử dụng các loại đất** | **Giảng viên:**- Thuyết giảng và hướng dẫn nội dung của bài thảo luận- Chia nhóm và giao nhiệm vụ thảo luận. Đánh giá kết quả.**Sinh viên:**- Nghiên cứu TL học tập và tham khảo.- Chuẩn bị nội dung và thực hiện các nhiệm vụ được giao.- Làm, thuyết trình và nộp kết quả bài thảo luận | 0/10 | 1,2,3,4,5 | LO.1.1LO.1.2LO.2.1LO.2.2LO.3.1 LO.3.2 |
|  | - Bộ máy quản lý đất đai từ trung ương đến địa phương- Các hoạt động của Nhà nước trong quản lý đất đai- Các hoạt động của Nhà nước trong phân phối đất đai- Chế độ quản lý đất nông nghiệp- Chế độ quản lý đất phi nông nghiệp |  |
| 15 | **Bài thảo luận số 2. Phân tích và đánh giá các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, giải quyết tổng hợp một số vấn đề trong quan hệ đất đai thường gặp ở cơ sở** | **Giảng viên:**- Thuyết giảng và hướng dẫn nội dung của bài thảo luận- Chia nhóm và giao nhiệm vụ thảo luận. Đánh giá kết quả.**Sinh viên:**- Nghiên cứu TL học tập và tham khảo.- Chuẩn bị nội dung và thực hiện các nhiệm vụ được giao.- Làm, thuyết trình và nộp kết quả bài thảo luận | 0/20 | 1,2,3,4,5 | LO.1.2LO.1.3LO.2.1LO.2.2LO.2.3LO.3.1 LO.3.2 |
|  | - Quyền chung của người sử dụng đất- Quyền của tổ chức sử dụng đất- Quyền của hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất- Nghĩa vụ chung của người sử dụng đất- Nghĩa vụ của tổ chức sử dụng đất-Nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất |  |

**PHỤ LỤC 4**

**PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

| **TT** | **Điểm thành phần****(Tỷ lệ %)** | **Quy định** | **Chuẩn đầu ra học phần** |
| --- | --- | --- | --- |
| LO.1.1 | LO.1.2 | LO.1.3 | LO.2.1 | LO.2.2 | LO.2.3 | LO.3.1 | LO.3.2 |
| 1 | Điểm quá trình (50%) | 1. Kiểm tra định kỳ lần 1+ Hình thức: *Tự luận*+ Thời điểm: *Tuần 3**+* Hệ số: 1 | X |  |  | X |  |  | X | X |
| 2. Kiểm tra định kỳ lần 2+ Hình thức: *Tự luận*+ Thời điểm: *Tuần 8**+* Hệ số: 1 |  | X |  | X | X |  | X | X |
| 3. Kiểm tra định kỳ lần 3+ Hình thức: *Tự luận*+ Thời điểm: *Tuần 13**+* Hệ số: 1 |  |  | X |  |  | X | X | X |
| 4. Bài thực hành/thảo luận+ Hình thức: *Thuyết trình nhóm*+ Thời điểm: *Tuần 14,15**+* Hệ số: 1 | X | X | X | X | X | X | X | X |
| 5. Thi giữa học phần+Hình thức: *Tự luận*Thời điểm: *Tuần 11*+ Hệ số:1 | X | X |  | X | X |  | X | X |
| 6. Kiểm tra chuyên cần+ Hình thức: *Điểm danh theo thời gian tham gia học trên lớp*+ Hệ số: 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Điểm thi kết thúc học phần (50%) | + Hình thức: Vấn đáp+ Thời điểm: *Theo lịch thi học kỳ*+ Tính chất: *Bắt buộc*+ Hệ số: 1 | X |  X | X | X | X | X | X | X |